

第59回中日本フェンシング選手権大会
一般男子

技術委員署名

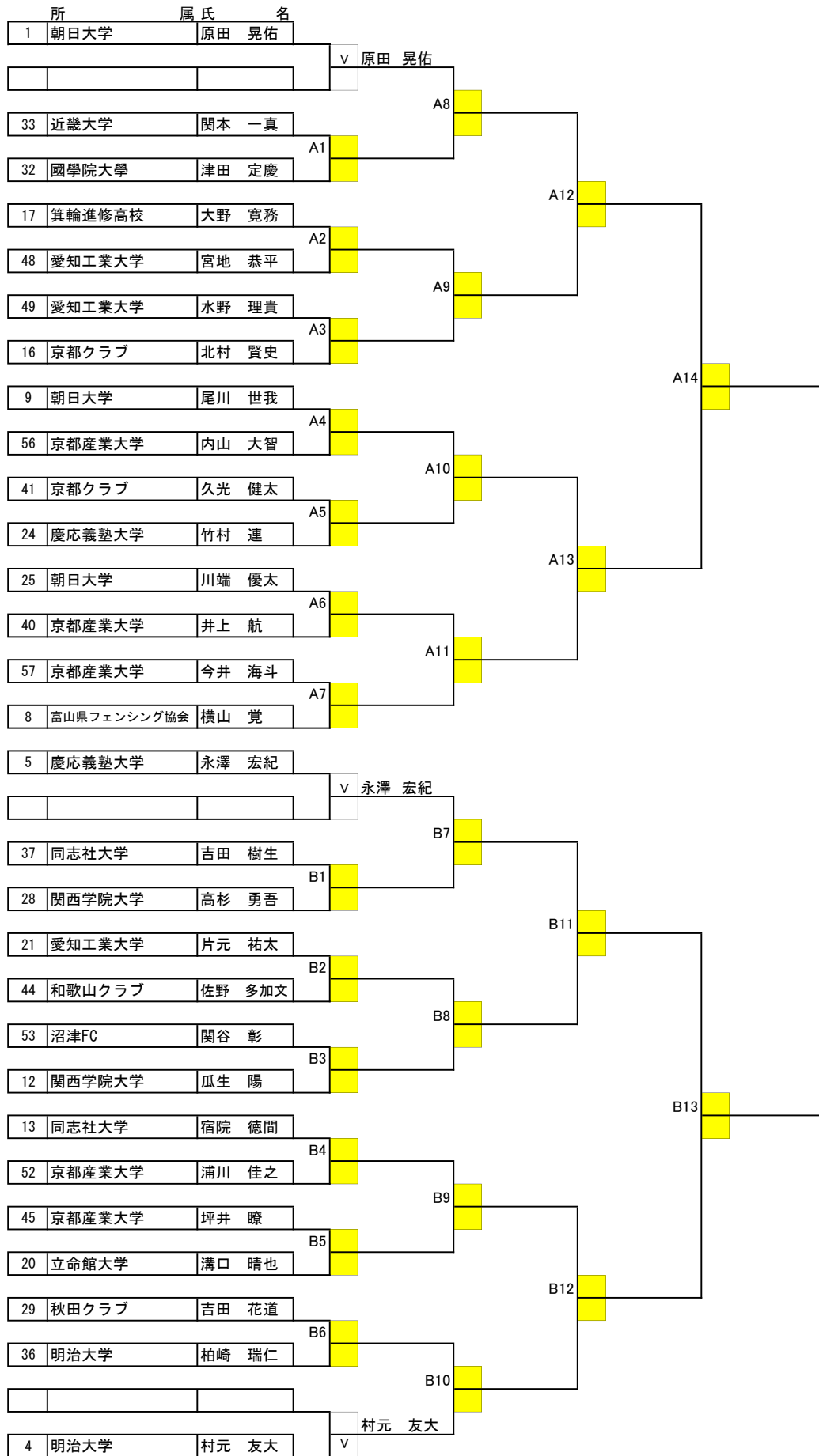
7-ル	所 属	氏 名	No.	1	2	3	4	5	6	M	V	V/M	TD	TR	ind
10P	三重クラブ	池畑 亮太郎	1	■	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	7	2.857
	愛知工業大学	藪 一 輝	2	4	■	1	2	2		4	0	0.000	9	20	0.450
	近畿大学	福光 勇太郎	3	2	V5	■	V5	4		4	2	0.500	16	15	1.067
	京都産業大学	張 眞 那彦	4	0	V5	4	■	1		4	1	0.250	10	17	0.588
	慶応義塾大学	長谷山 泰紀	5	1	V5	V5	V5	■		4	3	0.750	16	12	1.333
				6						■					
11P	熊本クラブ	道脇 啓 太	1	■	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667
	関西学院大学	帯 山 陸	2	1	■	3	V5	V5		4	2	0.500	14	15	0.933
	愛知工業大学	片元 祐 太	3	1	V5	■	V5	V5		4	3	0.750	16	10	1.600
	龍谷大学	辻村 銀 太	4	1	4	2	■	V5		4	1	0.250	12	15	0.800
	松山城南高等学校	阿 部 智 朗	5	0	1	0	0	■		4	0	0.000	1	20	0.050
				6						■					
12P	同志社大学	田中 風 舞	1	■	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000
	立命館大学	溝口 晴 也	2	3	■	V5	V5	V5		4	3	0.750	18	9	2.000
	愛知工業大学	高橋 祐 登	3	0	2	■	0	3		4	0	0.000	5	20	0.250
	和東クラブ	川 本 賢	4	1	2	V5	■	V5		4	2	0.500	13	11	1.182
	朝日大学	福島 海 斗	5	0	0	V5	1	■		4	1	0.250	6	18	0.333
				6						■					
13P	明治大学	村元 友 大	1	■	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000
	朝日大学	野口 舞 人	2	1	■	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	16	1.000
	京都クラブ	久光 健 太	3	2	3	■	V5	V5		4	2	0.500	15	15	1.000
	愛知工業大学	永井 靖 人	4	1	4	1	■	1		4	0	0.000	7	20	0.350
	沼津FC	関 谷 彰	5	0	4	4	V5	■		4	1	0.250	13	16	0.813
				6						■					
14P	富山県フェンシングクラブ	横 山 覚	1	■	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	8	2.500
	京都産業大学	内 山 大 智	2	2	■	2	3	V5		4	1	0.250	12	17	0.706
	慶応義塾大学	竹 村 連	3	3	V5	■	V5	V5		4	3	0.750	18	15	1.200
	関西学院大学	佐藤 光 琉	4	0	V5	4	■	V5		4	2	0.500	14	14	1.000
	愛知工業大学	濱 中 雅 也	5	3	2	4	1	■		4	0	0.000	10	20	0.500
				6						■					
15P	朝日大学	相馬 雅 樹	1	■	V5	0	V5	4		4	2	0.500	14	15	0.933
	京都産業大学	今井 海 斗	2	2	■	0	V5	4		4	1	0.250	11	16	0.688
	箕輪進修高校	大野 寛 務	3	V5	V5	■	V5	3		4	3	0.750	18	6	3.000
	愛知工業大学	中村 海 斗	4	3	1	1	■	2		4	0	0.000	7	20	0.350
	同志社大学	宿院 徳 間	5	V5	V5	V5	V5	■		4	4	1.000	20	13	1.538
				6						■					
16P			1	■											
			2		■										
			3			■									
			4				■								
			5					■							
			6						■						
17P			1	■											
			2		■										
			3			■									
			4				■								
			5					■							
			6						■						
18P			1	■											
			2		■										
			3			■									
			4				■								
			5					■							
			6						■						

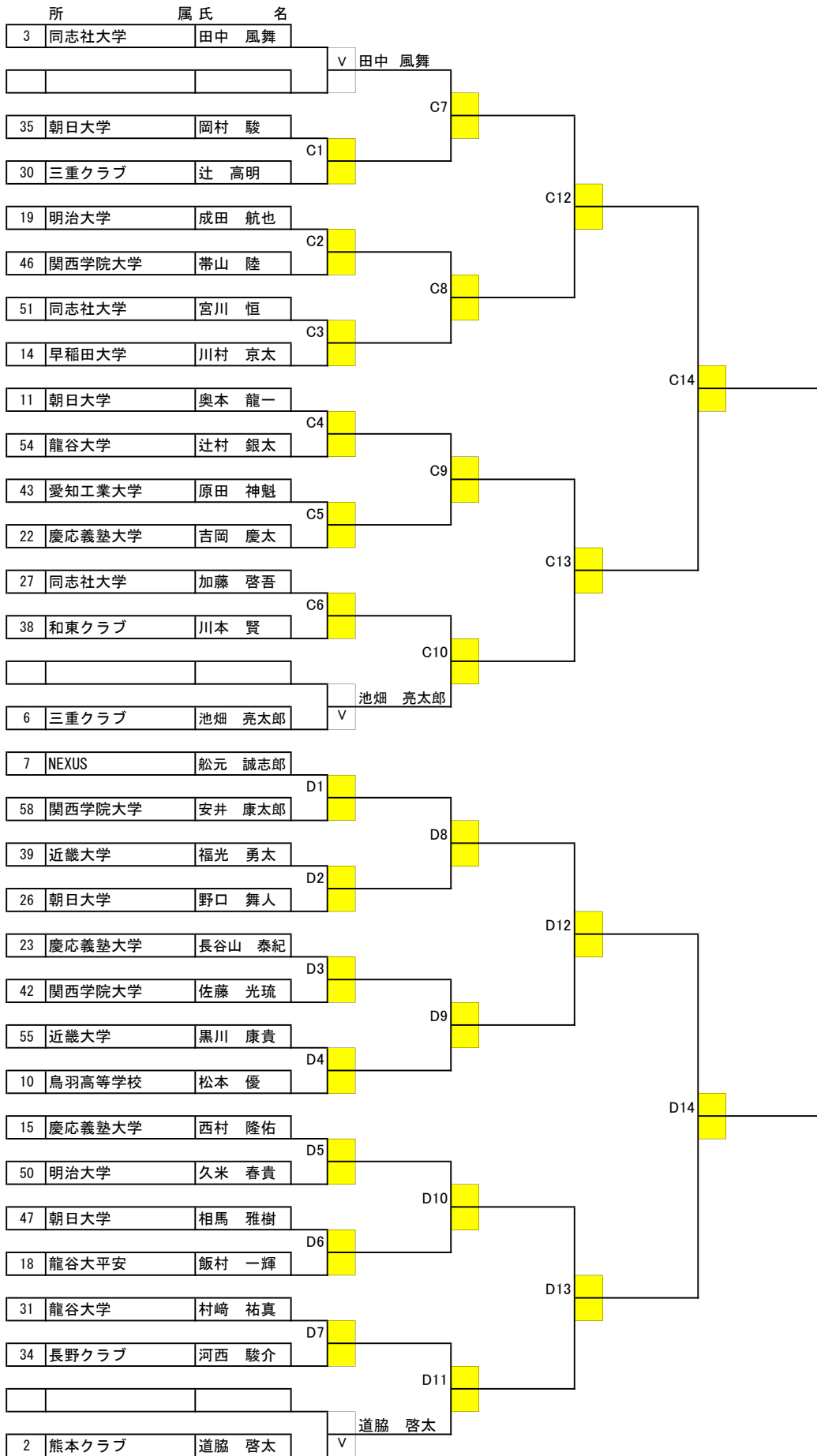
第59回中日本フェンシング選手権大会

一般男子 予選プール結果

技術委員署名

所 属	氏 名	No.	1	2	3	4	5	6	M	V	V/M	TD	TR	ind	順位
朝日大学	原田 晃佑	4	V5	V5	V5	*	V5		4	4	1.000	20	3	6.667	1
熊本クラブ	道脇 啓太	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667	2
同志社大学	田中 風舞	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000	3
明治大学	村元 友大	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000	4
慶応義塾大学	永澤 宏紀	5	V5	V5	V5	V5	*		4	4	1.000	20	7	2.857	5
三重クラブ	池畑 亮太郎	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	7	2.857	6
NEXUS	舩元 誠志	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	9	2.778	7
富山県フェンシング協会	横山 覚	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	8	2.500	8
朝日大学	尾川 世我	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	9	2.222	9
鳥羽高等学校	松本 優	6	V5	V5	V5	V5	V5	*	5	5	1.000	25	12	2.083	10
朝日大学	奥本 龍一	6	V5	V5	V5	V5	V5	*	5	5	1.000	25	14	1.786	11
関西学院大学	瓜生 陽	3	V5	V5	*	V5	V5		4	4	1.000	20	12	1.667	12
同志社大学	宿院 徳間	5	V5	V5	V5	V5	*		4	4	1.000	20	13	1.538	13
早稲田大学	川村 京太	1	*	V5	V5	V5	V5	4	5	4	0.800	24	8	3.000	14
慶応義塾大学	西村 隆佑	3	V5	V5	*	V5	V5	4	5	4	0.800	24	10	2.400	15
京都クラブ	北村 賢史	1	*	V5	V5	V5	4	V5	5	4	0.800	24	11	2.182	16
箕輪進修高校	大野 寛務	3	V5	V5	*	V5	3		4	3	0.750	18	6	3.000	17
龍谷大平安	飯村 一輝	1	*	V5	V5	V5	2		4	3	0.750	17	6	2.833	18
明治大学	成田 航也	1	*	V5	V5	4	V5		4	3	0.750	19	9	2.111	19
立命館大学	溝口 晴也	2	3	*	V5	V5	V5		4	3	0.750	18	9	2.000	20
愛知工業大学	片元 祐太	3	1	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	16	10	1.600	21
慶応義塾大学	吉岡 慶太	1	*	V5	V5	2	V5		4	3	0.750	17	11	1.545	22
慶応義塾大学	長谷山 泰紀	5	1	V5	V5	V5	*		4	3	0.750	16	12	1.333	23
慶応義塾大学	竹村 連	3	3	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	18	15	1.200	24
朝日大学	川端 優太	4	V5	3	V5	*	V5		4	3	0.750	18	16	1.125	25
朝日大学	野口 舞人	2	1	*	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	16	1.000	26
同志社大学	加藤 啓吾	5	3	V5	V5	V5	*	2	5	3	0.600	20	11	1.818	27
関西学院大学	高杉 勇吾	4	1	V5	V5	*	V5	2	5	3	0.600	18	14	1.286	28
秋田クラブ	吉田 花道	2	V5	*	1	V5	V5	3	5	3	0.600	19	15	1.267	29
三重クラブ	辻 高明	5	V5	V5	3	V5	*	2	5	3	0.600	20	16	1.250	30
龍谷大学	村崎 祐真	3	1	V5	*	4	V5	V5	5	3	0.600	20	17	1.176	31
國學院大学	津田 定慶	4	2	V5	V5	*	0	V5	5	3	0.600	17	15	1.133	32
近畿大学	関本 一真	6	2	V5	V5	3	V5	*	5	3	0.600	20	18	1.111	33
長野クラブ	河西 駿介	4	2	V5	V5	*	2	V5	5	3	0.600	19	18	1.056	34
朝日大学	岡村 駿	2	V5	*	3	V5	4		4	2	0.500	17	11	1.545	35
明治大学	柏崎 瑞仁	5	2	V5	4	V5	*		4	2	0.500	16	13	1.231	36
同志社大学	吉田 樹生	5	3	V5	4	V5	*		4	2	0.500	17	14	1.214	37
和東クラブ	川本 賢	4	1	2	V5	*	V5		4	2	0.500	13	11	1.182	38
近畿大学	福光 勇太	3	2	V5	*	V5	4		4	2	0.500	16	15	1.067	39
京都産業大学	井上 航	3	2	3	*	V5	V5		4	2	0.500	15	15	1.000	40
京都クラブ	久光 健太	3	2	3	*	V5	V5		4	2	0.500	15	15	1.000	41
関西学院大学	佐藤 光琉	4	0	V5	4	*	V5		4	2	0.500	14	14	1.000	42
愛知工業大学	原田 神魁	5	3	V5	V5	0	*		4	2	0.500	13	13	1.000	43
和歌山クラブ	佐野 多加文	1	*	0	3	V5	V5		4	2	0.500	13	13	1.000	44
京都産業大学	坪井 瞭	5	2	V5	V5	4	*		4	2	0.500	16	17	0.941	45
関西学院大学	帯山 陸	2	1	*	3	V5	V5		4	2	0.500	14	15	0.933	46
朝日大学	相馬 雅樹	1	*	V5	0	V5	4		4	2	0.500	14	15	0.933	47
愛知工業大学	宮地 恭平	2	2	*	V5	V5	1		4	2	0.500	13	14	0.929	48
愛知工業大学	水野 理貴	3	0	V5	*	V5	2		4	2	0.500	12	17	0.706	49
明治大学	久米 春貴	1	*	3	2	V5	V5	2	5	2	0.400	17	16	1.063	50
同志社大学	宮川 恒	6	3	V5	2	2	V5	*	5	2	0.400	17	17	1.000	51
京都産業大学	浦川 佳之	5	1	V5	V5	1	*	4	5	2	0.400	16	22	0.727	52





決勝

